TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 30 - 11 - 2023

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Hương

Nghề nghiệp: Giáo viên

Ông Trần Gia Phượng

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lại Khánh Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/HSST - QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức A**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/01/2007 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 12 ngày) tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh Hùng và bà Nguyễn Thị V; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 13/4/2023, Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ, cất giấu các loại công cụ, đồ vật có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác", mức phạt 2.000.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/8/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức A: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984 (Là mẹ của bị cáo); địa chỉ: Khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức A: Bà Bùi Thu H – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị M T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: A Hoàng Trọng M, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu Dụng H, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Chị Phạm Thị v sinh năm 1984 (Là mẹ của bị cáo); địa chỉ: Khu T, xã P, huyện L, tỉnh P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 25/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp nhận tin báo của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 ở khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh P về việc: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 24/8/2023, anh Nguyễn Văn T đi làm khi trở về nhà của mình tại khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ thì phát hiện tại gian phòng ngủ tầng một của gia đình mình đã bị kẻ gian đột nhập, cạy phá tủ, trộm cắp số tiền 8.626.000VNĐ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tổ chức điều tra xác M, lấy lời khai của bị hại, đối tượng liên quan, xác định nội dung vụ việc như sau:

Ngày 23/8/2023, Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/01/2007, ở khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ đến nhà ở của Nguyễn Quốc H, sinh ngày 25/7/2008 ở khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh P chơi. Sau đó, H và Nguyễn Đức A sang nhà ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 (là ông nội của H), ở sát cạnh nhà ở của H chơi và cả hai ngủ lại tại nhà ông Lượng.

Đến khoảng 17 giờ 50 phút, ngày 24/8/2023, khi đang chơi ở nhà ông L, Nguyễn Đức A nhìn sang nhà ở của gia đình anh Nguyễn Văn T (nhà anh T tiếp giáp với nhà ở của ông L và được ngăn cách bằng tường bao bằng gạch), A quan sát thấy con trai anh T là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2009 đi ra khỏi nhà, và thấy nhà anh T không có ai ở nhà. Do đang đói nên A nảy sinh ý định đi sang nhà anh T mục đích để lục tìm đồ ăn. Nguyễn Đức A một mình trèo qua tường bao từ nhà ông L sang vườn của nhà anh T rồi đi vào cửa chính của nhà anh T. Thấy cửa khép, không khoá, anh mở cửa đi vào trong

nhà anh T, rồi đóng khép cửa chính lại. Sau đó đi bên trái theo hướng từ ngoài đi vào nhà đi vào gian bếp và lục tìm lấy đồ ăn.

Sau khi ăn xong, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh T. Quan sát thấy tiếp giáp với gian bếp có 01 phòng ngủ, cửa không đóng khoá, anh đi vào bên trong phòng ngủ này để lục tìm tài sản. Nguyễn Đức A đi lại giường ngủ kê trong phòng và lật chiếu ở vị trí đuôi giường, thấy có một sấp tiền lẻ để dưới chiếu, A lấy số tiền này và kiểm đếm được 126.000VNĐ (Một trăm hai mươi sáu nghìn đồng), gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000VNĐ (Một trăm nghìn đồng) và các tờ tiền mệnh giá từ 1.000VNĐ (Một nghìn đồng) đến 10.000VNĐ (Mười nghìn đồng). Nguyễn Đức A lấy toàn bộ số tiền và đúc vào túi quần sau bên trái đang mặc. Sau đó, A mở tủ quần áo kê trong phòng, để lục tìm lấy tài sản nhưng không lấy được tài sản gì. Nguyễn Đức A đi lại bàn trang điểm bằng gỗ màu nâu vàng để lục tìm lấy tài sản thì thấy cánh cửa tủ của bàn trang điểm đóng khoá, A đã dùng tay phải giật mạnh cánh cửa này và mở được cửa tủ, sau đó lục tìm trong ngăn tủ, thấy trong tủ có 01 chiếc ví bằng vải màu nâu xA đốm, có khoá séc, A mở khoá séc chiếc ví này ra thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ (Năm trăm nghìn đồng) và được xếp thành 01 tập. Nguyễn Đức A lấy toàn bộ số tiền để trong ví và kiểm đếm xác định có 8.500.000VNĐ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) rồi đúc số tiền này vào túi quần sau bên phải đang mặc. Sau đó, A để lại chiếc ví trên vào trong tủ, đóng cửa tủ bàn trang điểm, rồi mở cửa phía sau nhà A T đi ra bên ngoài vườn, rồi khép cửa này lại. Nguyễn Đức A trèo tường sang bên nhà ở của gia Đ ông Lượng và đi lên tầng 2. Tại đây, A lấy số tiền vừa trộm cắp được tại nhà anh T ra đếm lại. Trong khi đang đếm thì Nguyễn Quốc H đi lên nhìn thấy. H hỏi: "Mày lấy đâu nhiều tiền thế", A nói: "Tao vừa trộm bên nhà thằng H". Huy không nói gì.

Đến tối ngày 24/8/2023, Nguyễn Đức A đã lấy 1.500.000VNĐ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trong số tiền trộm cắp được của gia đình anh T để trả lãi cho khoản tiền 5.000.000VNĐ (Năm triệu đồng) đã vay của Hoàng Trọng M, sinh năm 1996, ở khu Dụng H, xã P, huyện L trước đó. Đến khoảng 10 giờ, ngày 25/8/2023, A và H đi chơi, A có nói với Huy về việc đi mua điện thoại di động để vào miền Nam làm việc. Biết A dùng số tiền trộm cắp được của gia đình anh T để mua điện thoại di động, nên H bảo A mua cho H một chiếc điện thoại. Nguyễn Đức A đồng ý. Sau đó cả hai đi đến cửa hàng mua bán điện thoại "Chi Ngân" của A Bùi Trương C, sinh năm 1991, ở khu 15, xã S, huyện L để mua điện thoại. Tại đây, A mua cho H 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354866091295259 với giá tiền 3.000.000VNĐ (Ba triệu đồng). Nguyễn Đức A hỏi chủ cửa hàng để mua một chiếc điện thoại Iphone cho mình tuy nhiên cửa hàng nhà anh C hết điện thoại này. Sau đó A và H đi đến cửa hàng mua bán điện thoại "Đ Sơn" của A Nguyễn Đình S, sinh năm 1991, ở khu 9, xã S, huyện L mua 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354863092372302, với giá tiền 2.800.000VNĐ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), để A sử dụng. Toàn bộ số tiền sử dụng để mua 02 chiếc điện thoại trên A đều lấy từ số tiền mình đã trộm cắp được tại

nhà anh T để thanh toán. Khi bán điện thoại cho Nguyễn Đức A, Anh S và Anh C không biết số tiền Nguyễn Đức A trả cho anh S và anh C là số tiền do trộm cắp mà có. Số tiền còn lại 1.326.000VNĐ (Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng), Nguyễn Đức A đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 25/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tạm giữ của Nguyễn Quốc H: 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354866091295259, không lắp sim thuê bao; tạm giữ của Nguyễn Đức A 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354863092372302, không lắp sim thuê bao; tạm giữ của anh Bùi Trương C Số tiền 3.000.000VNĐ và tạm giữ của anh Nguyễn Đ S số tiền 2.800.000VNĐ.

Ngày 27/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện L đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Đức A về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Quốc H, H không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Đức A, nhưng khi biết Nguyễn Đức A trộm cắp được tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn T, H không tố giác, báo tin đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật mà cùng Nguyễn Đức A sử dụng số tiền do Nguyễn Đức A trộm cắp để đi mua điện thoại về sử dụng. Hành vi trên của Nguyễn Quốc H có dấu hiệu phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", và tội "Không tố giác tội phạm". Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi Nguyễn Quốc H chưa đủ 16 tuổi, tội phạm mà Đức A thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó hành vi của Nguyễn Quốc H không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện L đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Quốc H về hành vi "Mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có", quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị V (mẹ của Nguyễn Đức A), sinh năm 1984, ở khu T, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L số tiền 1.326.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Hoàng Trọng M giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 tờ giấy khổ A4, một mặt in "Giấy biên nhận mua hộ xe" đề ngày 12/4/2023 với nội dung: Nguyễn Đức A nhận số tiền 5.000.000 đồng của Hoàng Trọng M để mua hộ xe Wave cho anh M, hẹn 10 ngày (ngày 22/4/2023) sẽ giao xe và giấy tờ liên quan. M khai số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) là số tiền M cho Nguyễn Đức A vay lãi nặng, còn số tiền 3.750.000 đồng là số tiền Nguyễn Đức A trả lãi cho M.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L xác định việc vay tiền giữa Nguyễn Đức A và Hoàng Trọng M như sau: Do quen biết ngoài xã hội, nên ngày 12/4/2023, Nguyễn Đức A vay của Hoàng Trọng M số tiền 5.000.000VNĐ (Năm triệu đồng). M đồng ý cho A vay với mức lãi suất 5.000VNĐ/1.000.000VNĐ/1 ngày. Để hợp thức hoá việc cho vay lãi nặng và đối phó với pháp luật nên M đã yêu cầu A viết 01 giấy biên nhận mua hộ xe mô tô với nội dung: Nguyễn Đức A nhận tiền mua hộ xe cho Hoàng Trọng M. Giấy biên nhận này M giữ. Lãi suất Nguyễn Đức A phải chịu khi vay 5.000.000VNĐ là 15%/1 tháng = 180%/năm, nên mỗi tháng A phải trả cho M số tiền 750.000VNĐ. Khi M cho A vay, không có ai chứng kiến. Đến khoảng tháng 6 năm 2023, A đã trả cho M tiền lãi của tháng 4, 5, 6/2023 là 2.250.000 đồng. Đến ngày 24/8/2023, Nguyễn Đức A trả cho M tiền lãi của tháng 7,8/2023 là 1.500.000 đồng. Bản thân M không biết số tiền 1.500.000 đồng mà A trả lãi cho mình là do A phạm tội mà có. Về số tiền gốc, A chưa trả được cho M. Hoàng Trọng M không có giấy phép đăng ký dịch vụ cho vay, cầm đồ.

Quá trình điều tra xác định, đối với tiền lãi của tháng 7 và tháng 8/2023, Nguyễn Đức A trả cho Hoàng Trọng M 1.500.000 đồng là tiền do Nguyễn Đức A phạm tội mà có. Hoàng Trọng M đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trao trả lại cho người bị hại. Đối với số tiền 2.250.000VNĐ Nguyễn Đức A nộp tiền lãi của tháng 4, 5, 6/2023, trong đó có 2.000.001VNĐ (Hai triệu không trăm linh một đồng) là tiền lãi vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự và 249.999VNĐ (Hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là tiền lãi theo lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Thấy rằng số tiền lãi Hoàng Trọng M thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng, đồng thời bản thân M chưa bị xử phạt hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và chưa bị kết án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó hành vi của Hoàng Trọng M không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Bản thân Hoàng Trọng M không biết số tiền 1.500.000 đồng mà Nguyễn Đức A trả lãi cho mình là do Nguyễn Đức A phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trích sao, chuyển hồ sơ cùng số tiền 249.999 đồng đến Công an huyện L đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Trọng M có hành vi về hành vi "Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doA có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự", quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về tài sản: Qua xác M của Cơ quan điều tra Công an huyện L, bị cáo Nguyễn Đức A không có tài sản riêng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 8.626.000 đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu đề nghị gì khác.

Anh Bùi Trương C và anh Nguyễn Đình S đã nhận lại điện thoại và không có đề nghị gì.

Chị Nguyễn Thị V đã đứng ra bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.326.000 đ (Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Đức A trộm cắp nhưng đã tiêu sài cá nhân hết. Đối với số tiền này chị không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A phải thanh toán cho chị.

Cáo trạng số: 52/CT -VKSLT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90, Điều 91; Điều 98, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo nếu đối với người đã thành niên thì mức đề nghị xử phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù. Tuy nhiên do bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 03 (ba) tháng 06 (sáu) ngày tù đến 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 8.626.000 đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

Anh Bùi Trương C; anh Nguyễn Đình S đã nhận lại chiếc điện thoại và không có đề nghị gì khác.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A số tiền 2.000.001 đ (Hai triệu không trăm linh một nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Người bào chữa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức A, Trợ giúp viên pháp lý có quan điểm: Nhất trí nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhất trí về tội danh, khung hình phạt các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo Nguyễn Đức A vì khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận

thức còn hạn chế, cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 24/8/2023, tại vị trí đuôi giường ngủ và bàn trang điểm trong phòng ngủ trong nhà của anh Nguyễn Văn T ở khu Đại Đ, xã P, huyện L, tỉnh P, Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/01/2007 đã có hành vi trộm cắp số tiền số tiền 8.626.000VNĐ (tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) của gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Minh T. Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Hành vi của Nguyễn Đức A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

..."

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Mặc dù biết tài sản của người khác nhưng bị cáo Nguyễn Đức A vẫn cố tình chiếm đoạt vì lợi ích của bản

thân, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên, bị cáo đã có tiền sự về hành vi "Tàng trữ, cất giấu các loại công cụ, đồ vật có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác" đã bị Công an huyện L, tỉnh P đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo về hành vi này nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để rút kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục có hành vi vi phạm nên cần đưa bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia Đ bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin miễn hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Nguyễn Đức A có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tù là phù hợp. Hơn nữa, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa thành niên khả năng nhận thức về hành vi phạm tội có phần hạn chế. Do đó căn cứ vào quy định tại các Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi đối với bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên căn cứ vào khoản 6 Điều 90 của Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 8.626.000 đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác. anh Bùi Trương C; anh Nguyễn Đình S đã nhận lại chiếc điện thoại và không có đề nghị gì khác.

Đối với số tiền 1.326.000 đ (Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) chị Nguyễn Thị V đã thay bị cáo đứng ra bồi thường cho bị hại. Chị V không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết tại phần quyết định của bản án.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) mà anh Bùi Trương C có được do bán chiếc điện thoại cho Nguyễn Đức A; số tiền 2.800.000 đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) Nguyễn Đình S có được do bán điện thoại cho Nguyễn Đức A. Sau khi biết đó là số tiền do Nguyễn Đức A phạm tội mà có Bùi Trương C và

Nguyễn Đình S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra để trả lại cho người bị hại là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354866091295259, không lắp sim thuê bao, đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại Iphone X 64Gb, màu trắng, số IMEI: 354863092372302, không lắp sim thuê bao, đã qua sử dụng mà Nguyễn Đức A đã mua của anh Bùi Trương C và của Nguyễn Đình S. Ngày 01/9/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L đã trả lại tài sản nói trên cho anh Bùi Trương C và anh Nguyễn Đình S là phù hợp.

Đối với số tiền 2.000.001đ (Hai triệu không trăm linh một nghìn đồng) là số tiền Hoàng Trọng M thu lãi cao của Nguyễn Đức A. Tại phiên tòa Hoàng Trọng M cũng tự nguyện trả lại Nguyễn Đức A nên cần trả lại cho Nguyễn Đức A là phù hợp.

Đối với Hoàng Trọng M không có giấy phép đăng ký dịch vụ cho vay, cầm đồ. M có cho Nguyễn Đức A vay số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) vào ngày 12/4/2023. Khi M cho A vay không có ai chứng kiến. Lãi suất là 15%/1 tháng = 180%/năm, nên mỗi tháng A phải trả cho M số tiền 750.000VNĐ. A chưa trả được tiền gốc mà chỉ trả lãi đến tháng 8/2023.

Quá trình điều tra xác định, đối với tiền lãi của tháng 7 và tháng 8/2023, Nguyễn Đức A trả cho Hoàng Trọng M 1.500.000 đồng, là tiền do Nguyễn Đức A phạm tội mà có. Hoàng Trọng M đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trao trả lại cho người bị hại. Đối với số tiền 2.250.000VNĐ Nguyễn Đức A nộp tiền lãi của tháng 4, 5, 6/2023, trong đó có 2.000.001VNĐ (Hai triệu không trăm linh một đồng) là tiền lãi vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự và 249.999VNĐ (Hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là tiền lãi theo lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi Hoàng Trọng M thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng, đồng thời bản thân M chưa bị xử phạt hành chính về hành vi ho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và chưa bị kết án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó hành vi của Hoàng Trọng M không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Bản thân Hoàng Trọng M không biết số tiền 1.500.000 đồng mà Nguyễn Đức A trả lãi cho mình là do Nguyễn Đức A phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trích sao, chuyển hồ sơ cùng số tiền 249.999 đồng đến Công an huyện L đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Trọng M có hành vi về hành vi "Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doA có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự", quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp.

Đối với Nguyễn Quốc H, H không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Nguyễn Đức A, nhưng khi biết Nguyễn Đức A Trộm cắp được tài sản của gia Đ

anh Nguyễn Văn T, H không tố giác, báo tin đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật mà cùng Nguyễn Đức A sử dụng số tiền do Nguyễn Đức A trộm cắp để đi mua điện thoại về sử dụng. Hành vi trên của Nguyễn Quốc H có dấu hiệu phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", và tội "Không tố giác tội phạm". Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi Nguyễn Quốc H chưa đủ 16 tuổi, tội phạm mà Đức A thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó hành vi của Nguyễn Quốc H không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự và tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện L đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Quốc H về hành vi "Mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có", quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp.

[3] Về án phí*:* Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 5 Điều 328, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 03 (ba) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2023. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận A Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 8.626.000 đ (Tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

Anh Bùi Trương C; anh Nguyễn Đình S đã nhận lại chiếc điện thoại và không có đề nghị gì khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức A số tiền 2.000.001 đ (Hai triệu không trăm linh một nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện L và công an huyện L)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bào chữa cho bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang